

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST  
Ngày 23-02-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Hữu Phúc
- Ông Lê Văn Sáng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022, đối với:

- Bị cáo Nguyễn Văn Thành N, sinh năm 1972; tên gọi khác: Liêm; nơi sinh: thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 68/257 Trần Quang K, phường T, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Út B, sinh năm 1951 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953 (chết); có vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 và 02 người con, lớn sinh năm 2017 và nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: ngày 08/02/1999 bị Tòa án nhân dân quận Z, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng; tạm giữ: ngày 07/11/2021; tạm giam: ngày 12/11/2021.

Bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Tăng Thiện T, sinh năm 1982, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*  
 Đặng Hồng C, sinh năm 1978, vắng mặt.  
 Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 ngày 19/10/2021, Nguyễn Văn Thành N điều khiển xe đạp (loại xe đạp điện) chở Nguyễn Thị Đ ngồi sau, đi từ ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang về nhà N tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đến ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, N phát hiện trước nhà ông Tăng Thiện T có xe mô tô biển số 66N1-062.94 đang đậu có chìa khóa gắn trên ổ khóa xe, bên ngoài hàng rào, không người trông coi, N nảy sinh ý định lấy trộm. N đạp xe qua khoảng 10 mét, đạp xe quay lại dừng bên lề đường. N xuống xe, kêu Đ điều khiển xe đạp đi. N đi qua đường trộm xe, nổ máy chạy. Lúc này ông Tăng Thiện T phát hiện truy hô nhưng N điều khiển xe chạy thoát, ông T đến Công an xã A, huyện T trình báo. Đối với Nguyễn Thị Đ một mình đạp xe về hướng T, huyện T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T mời làm việc một lần Đ khai nhận không biết N có ý định trộm cắp tài sản, khi N kêu chạy xe đi và N qua đường, Đ điều khiển xe đạp đi, thì nghe tiếng truy hô, Đ không thấy N đâu, lúc này mới biết N trộm xe. Đến ngày 07/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt được N và thu hồi xe mô tô trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) đoạn video, thời lượng 02 phút 03 giây (ghi hình lại quá trình đối tượng Nguyễn Văn Thành N thực hiện hành vi Trộm xe mô tô 66N1-062.94 vào ngày 19/10/2021 tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

- 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh, biển số 66N1-062.94, số máy E-5356689, số khung Y256591, đã qua sử dụng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: một xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển số 66N1-062.94, số máy E-5356689, Y256591, đã qua sử dụng có giá trị định giá là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKS-TN ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Thành N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Thành N, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng. Riêng đối với xe mô tô biển số 66N1-062.94 do Đặng Hồng C đứng tên chủ sở hữu, trong quá trình điều tra chưa làm việc được với ông C do ông C không có mặt tại địa phương, chỉ có lời khai ông T nên không có cơ sở chứng minh là ông T đã mua xe này nên công an trả cho ông T là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị tiếp tục tạm giao xe mô tô trên cho ông T quản lý, sử dụng theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục làm việc với ông Đặng Hồng C chủ sở hữu xe mô tô trên để xử lý theo quy định pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Văn Thành N khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Tờ tự khai ngày 07/11/2021 của bị cáo; Lời khai bị hại, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 00 ngày 19/10/2021, tại ấp P, xã A, huyện T, thấy xe mô tô biển số 66N1-062.94 của Tăng Thiện T đang đậu có chìa khóa trên ổ khóa xe, bên ngoài hàng rào, không người trông coi, Nhân trộm xe mô tô điều khiển đi về nhà tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận định giá xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển số 66N1-062.94, có giá trị định giá là 8.500.000đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo không nghề nghiệp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài và để mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại Tăng Thiện T đã nhận lại đủ tài sản bị mất trộm xong không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô biển số 66N1-062.94 của Đặng Hồng C, sinh năm 1978, ngụ ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, ông Tăng Thiện T khai đã mua xe này lại của ông C không làm giấy tờ và chưa làm thủ tục sang tên, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại tài sản trên cho ông Tăng Thiện T là chưa phù hợp. Xét thấy, trong quá trình điều tra không làm việc được với ông C do ông C không có mặt tại địa phương và tại phiên tòa ông C và ông T vắng mặt, chỉ có lời khai ông T tại cơ quan điều tra nên không có cơ sở chứng minh là ông T đã mua xe mô tô của ông C, do đó tiếp tục tạm giao xe mô tô trên cho ông T quản lý, sử dụng theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 28/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và đề nghị Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục làm việc với ông Đặng Hồng C chủ sở hữu xe mô tô trên để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với 01 (một) đoạn video, thời lượng 02 phút 03 giây (ghi hình lại quá trình đối tượng Nguyễn Văn Thành N thực hiện hành vi Trộm xe mô tô 66N1-062.94 vào ngày 19/10/2021 tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp). Xét thấy, đây là chứng cứ chứng minh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với xe đạp (loại xe đạp điện) do bị cáo Nguyễn Văn Thành N điều khiển chở Nguyễn Thị Đ. Cơ quan điều tra xác định xe đạp (loại xe đạp điện) của Nguyễn Thị Đ, xe không thu giữ và hiện nay Đ không có mặt địa phương, khi nào làm việc được với Đ sẽ xem xét xử lý xe đạp (loại xe đạp điện) theo quy định pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Thị Đ, bị cáo N khai nhận quen biết Đ khoảng 2 năm, khi nảy sinh ý định trộm xe mô tô bị cáo N không nói cho Đ biết, chỉ có một mình bị cáo thực hiện hành vi trộm xe. Do trước đó trên đường đi về thành phố Hồ Chí Minh giữa bị cáo và Đ xảy ra mâu thuẫn và đến ấp P, xã A, huyện T tiếp tục cự cãi nên bị cáo dừng xe kêu Đ điều khiển xe đạp (loại xe đạp điện) đi thì Đ chạy xe đi, lúc đó bị cáo thấy xe mô tô nên một mình đi lấy trộm và điều khiển xe mô tô về nhà tại thành phố Hồ Chí Minh mục đích không muốn liên lạc lại với Đ. Hiện nay, Cơ quan điều tra chưa làm việc được do Đ bỏ địa phương đi nên không có căn cứ xem xét vai trò đồng phạm đối với Nguyễn Thị Đ, đề nghị Cơ quan điều tra - Công an huyện T tiếp tục xác minh làm rõ khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Thành N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thành N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 07 tháng 11 năm 2021.

**2.** Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) đoạn video, thời lượng 02 phút 03 giây (ghi hình lại quá trình đối tượng Nguyễn Văn Thành N thực hiện hành vi Trộm

xe mô tô 66N1-062.94 vào ngày 19/10/2021 tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp). Vật chứng hiện đang lưu hồ sơ vụ án.

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Thành N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Hứa Quang Thông**